CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Xây dựng số 5

Ngày 30/06/2025	16,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.0%	**-9.7%**	**-**

DT thuần
Q2/25
483
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 15.0| 3.2%
YoY: ▼16.0| -3.2%

LN thuần
Q2/25
13.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.45| 122%
YoY: ▲ 6.19| 83.9%

LN sau thuế
Q2/25
11.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.46| 143%
YoY: ▲ 5.08| 86.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
6.0%
YoY: +/-▲ 0.8%

ROE (TTM)
Q2/25
9.4%
YoY: +/-▲ 1.3%

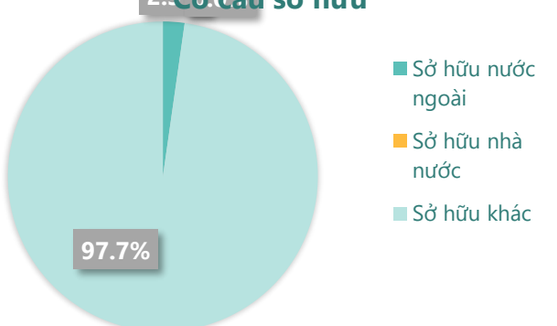
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	15,750 - 22,950
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	250
Số lượng CPLH (CP)	14,983,499
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,320
Sở hữu nước ngoài	2.3%
Beta	0.50
EPS	2,384
P/E	7.0

DT thuần
6T 2025
951
tỷ VNĐ
YoY: ▼317| -25.0%

LN thuần
6T 2025
19.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.20| -5.8%

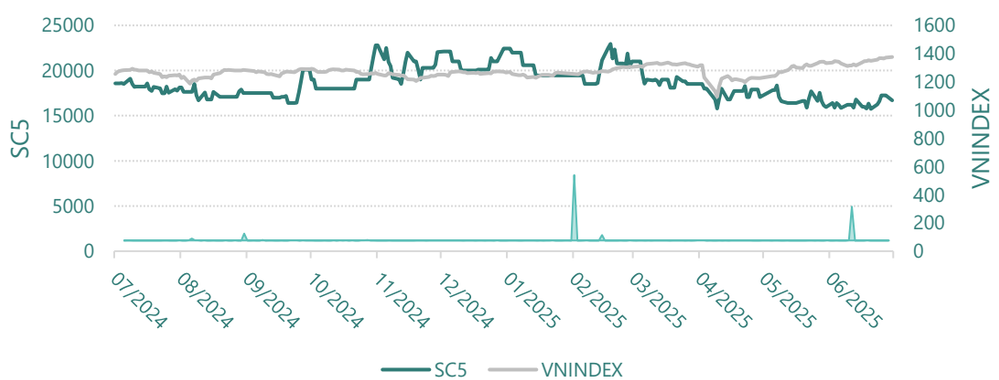
LN sau thuế
6T 2025
15.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.30| -7.8%

Cơ cấu sở hữu

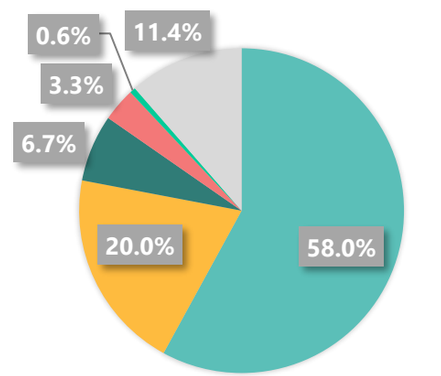


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



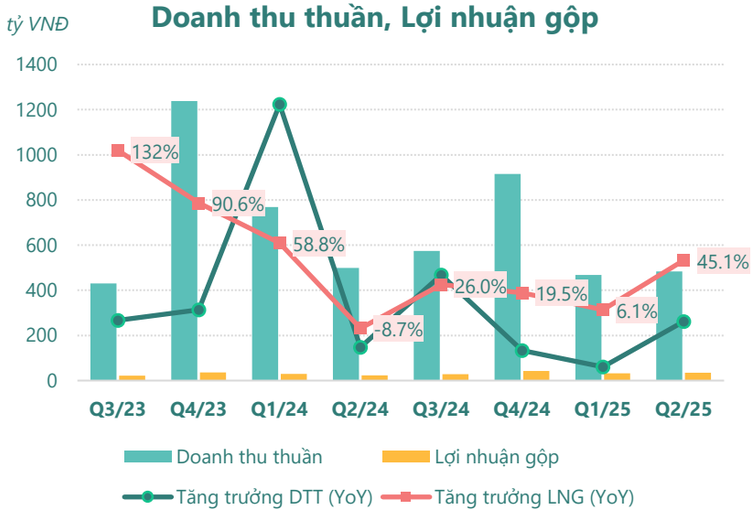
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

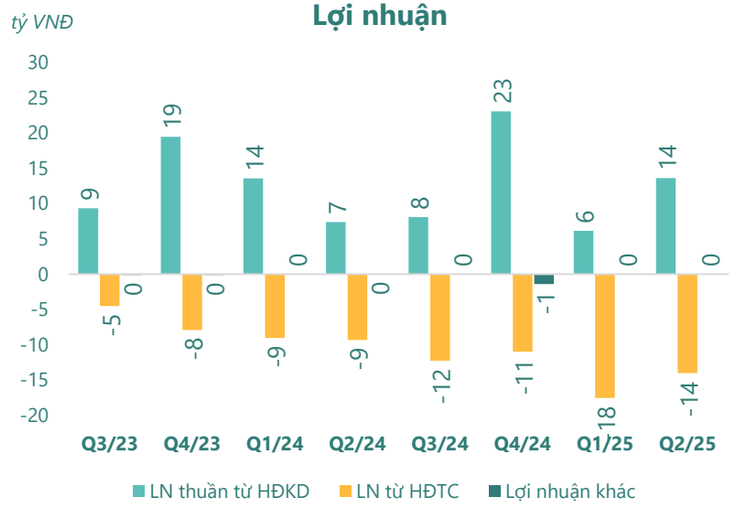
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



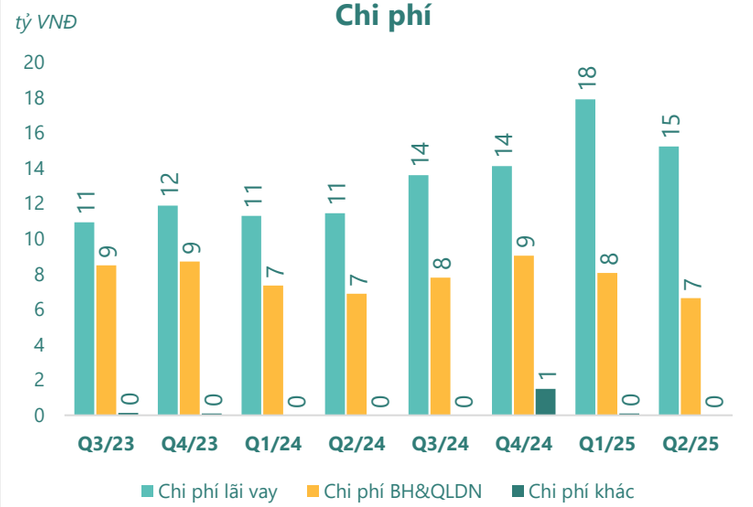
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



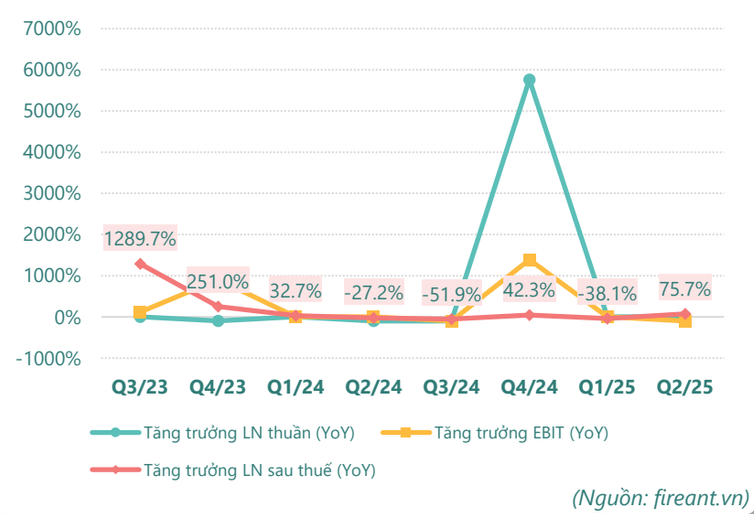
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



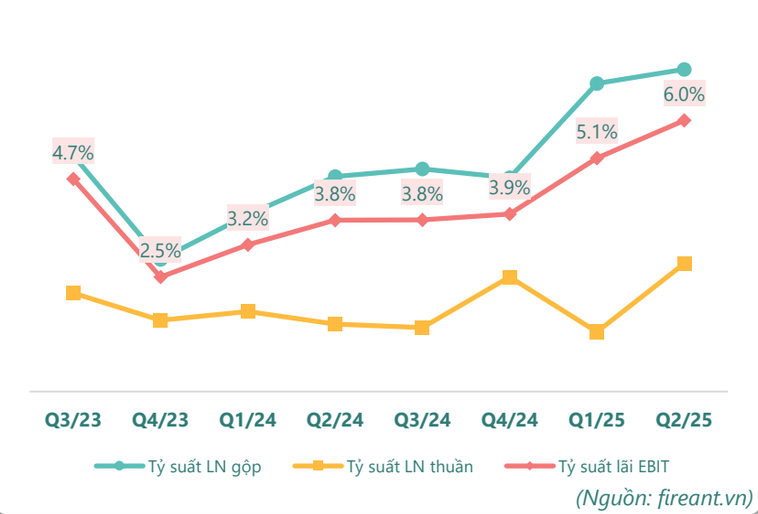
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



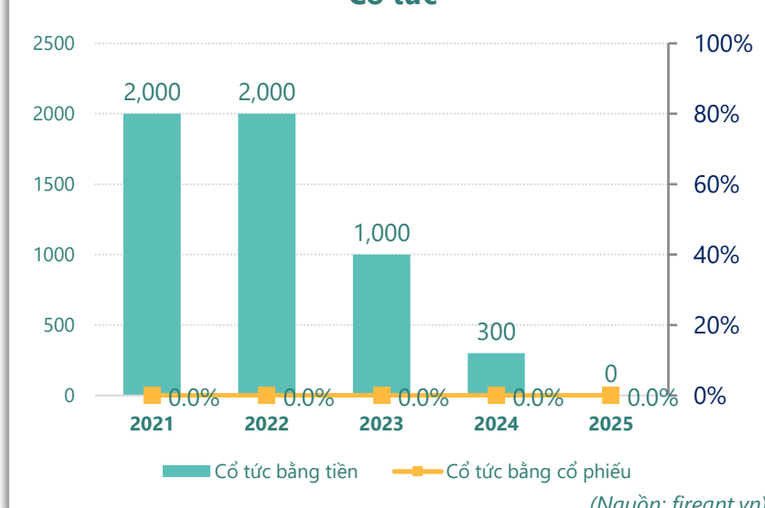
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

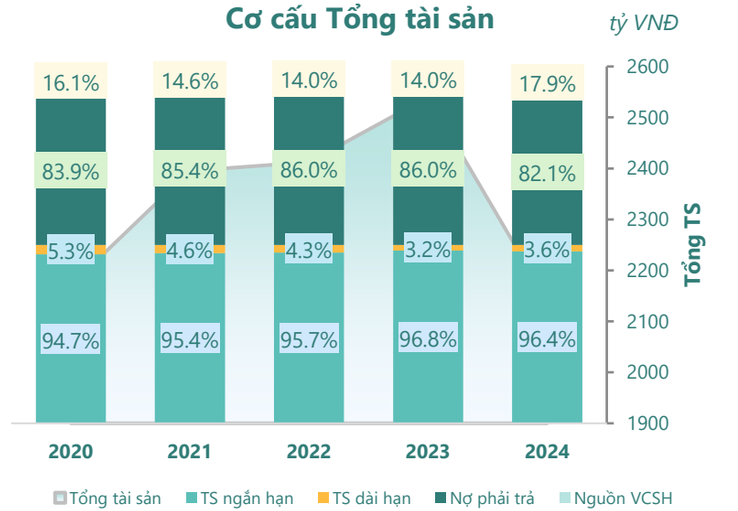
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

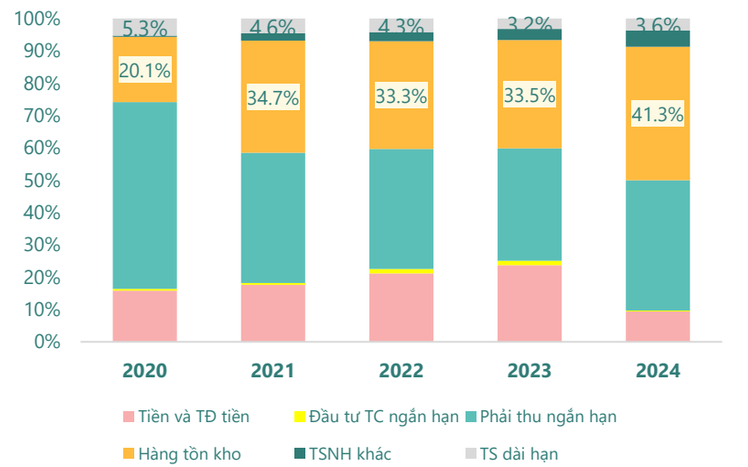
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



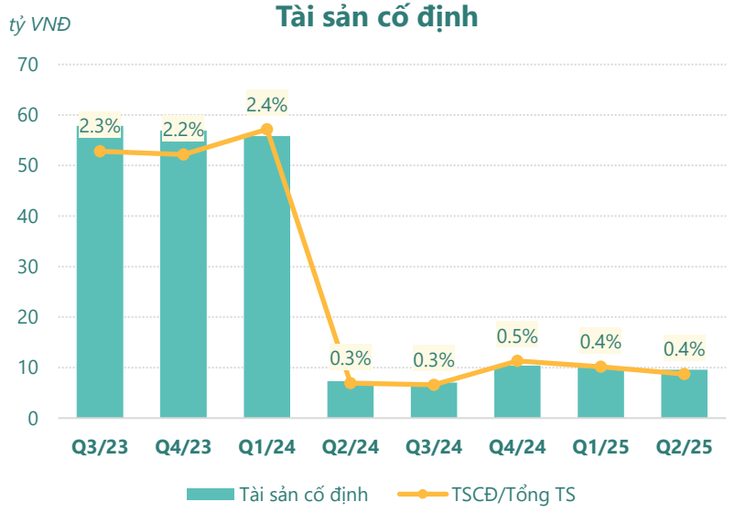
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



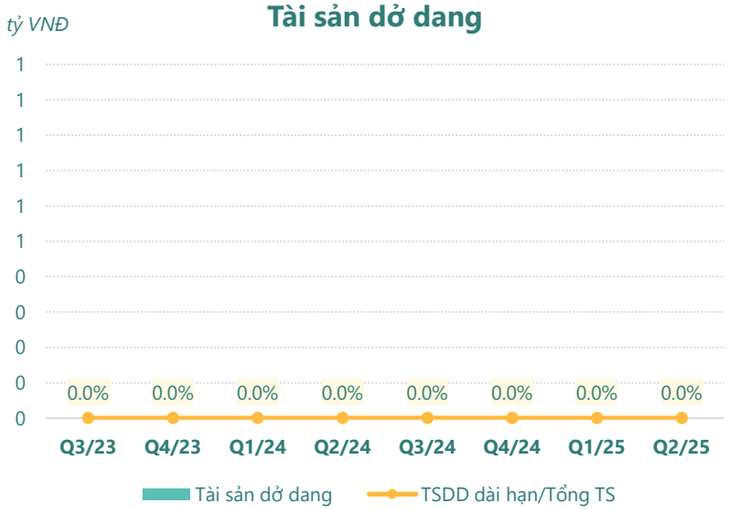
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



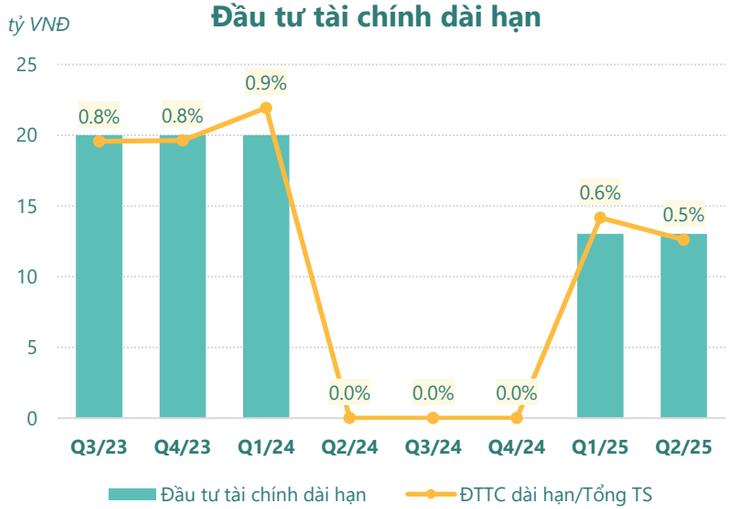
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



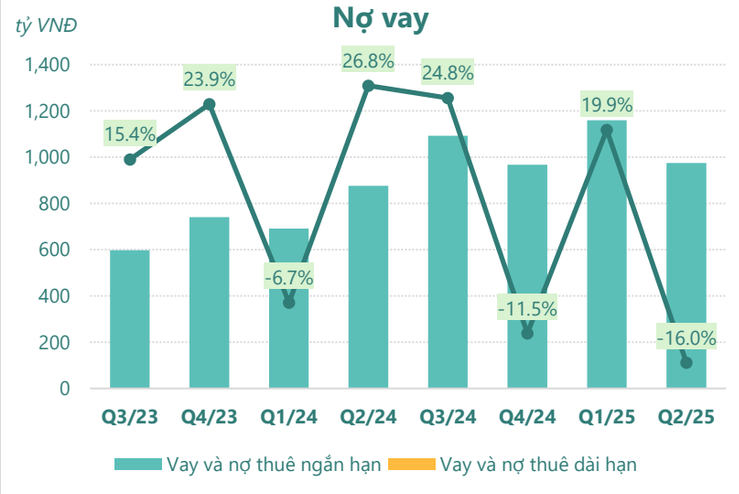
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

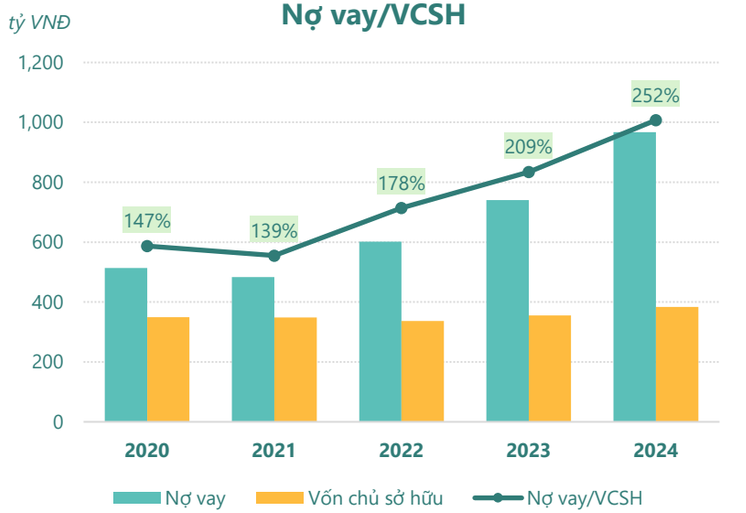
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

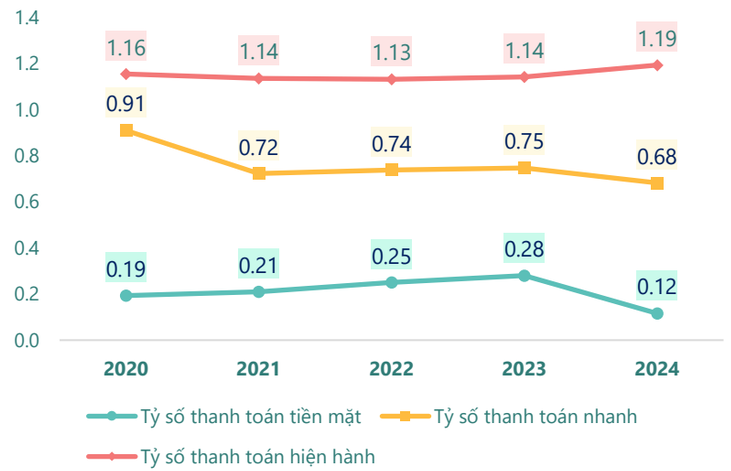
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



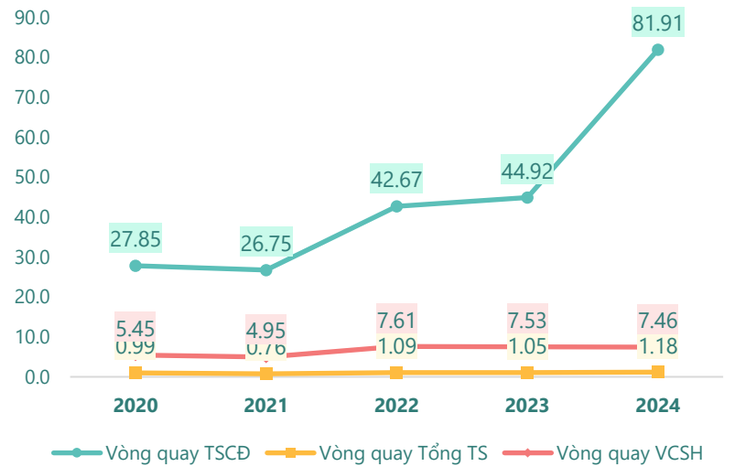
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



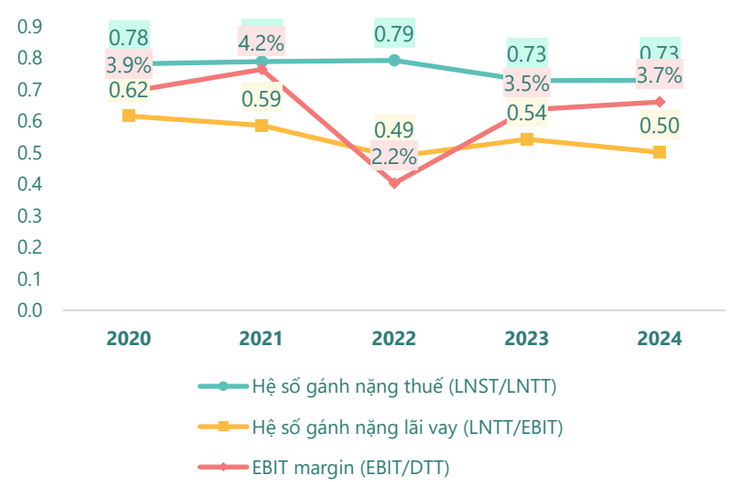
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



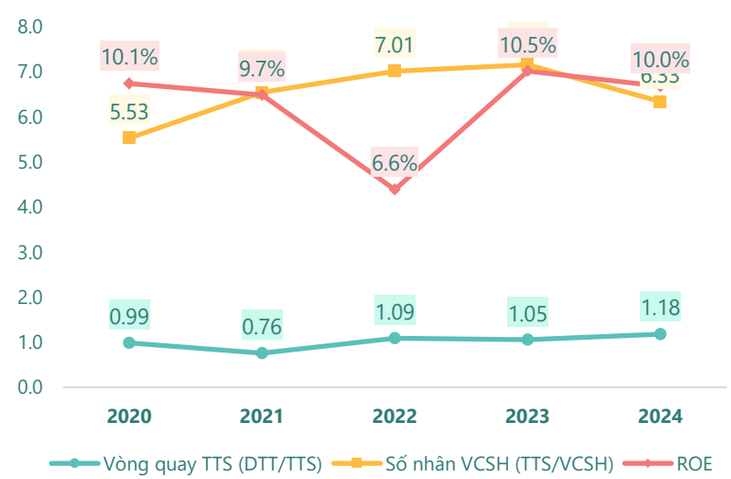
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



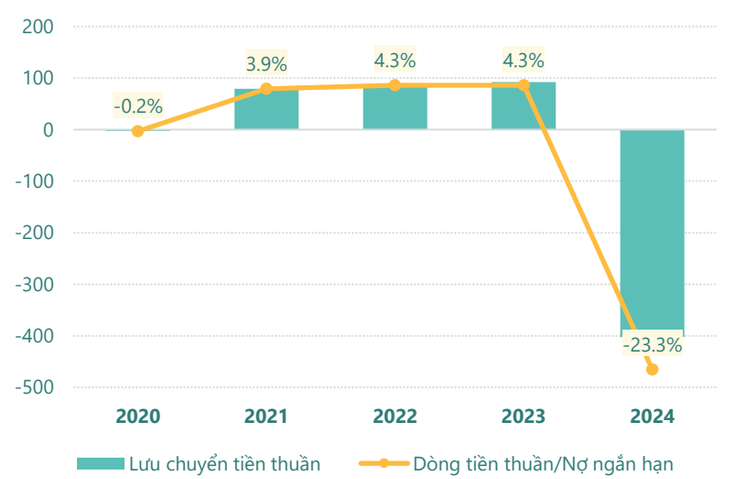
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**483**	**499**	**-3.2%**	**951**	**1,268**	**-25.0%**
Giá vốn hàng bán	449	475	-5.6%	885	1,214	-27.1%
Lợi nhuận gộp	34.3	23.6	45.4%	66.1	53.6	23.3%
Doanh thu HĐTC	1.20	2.11	-43.3%	1.55	4.38	-64.7%
Chi phí TC	15.2	11.5	32.5%	33.1	22.8	45.7%
Chi phí lãi vay	15.2	11.5	32.5%	33.1	22.8	45.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.00	0.17	-98.7%	0.07	0.42	-83.0%
Chi phí QLDN	**6.64**	**6.71**	**-1.1%**	**14.6**	**13.8**	**6.0%**
LN thuần từ HĐKD	13.6	7.41	83.9%	19.8	21.0	-5.8%
Lợi nhuận khác	**0**	**-0.01**	**100%**	**0.02**	**-0.01**	**308%**
LN trước thuế	13.6	7.40	84.1%	19.8	21.0	-5.7%
Lợi nhuận sau thuế	**11.0**	**5.92**	**86.2%**	**15.6**	**16.9**	**-7.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**11.0**	**5.92**	**86.2%**	**15.6**	**16.9**	**-7.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-250	-173	-292	55.4	-285	262
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	4.15	24.7	6.66	-0.67	0.35	1.20
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-49.9	185	213	-126	192	-186
Tiền đầu kỳ	603	308	344	271	201	108
Lưu chuyển tiền thuần	**-295**	**36.1**	**-72.3**	**-70.8**	**-92.3**	**77.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.82	-0.82	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	308	344	271	201	108	186

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,580**	**2,141**	**20.5%**
Tài sản ngắn hạn	2,505	2,063	21.4%
Tiền và tương đương tiền	186	201	-7.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.31	7.31	0.0%
Phải thu ngắn hạn	715	862	-17.1%
Hàng tồn kho	1,436	884	62.4%
Tài sản ngắn hạn khác	161	109	47.8%
Tài sản dài hạn	**74.8**	**78.1**	**-4.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	9.60	10.4	-7.5%
Bất động sản đầu tư	44.7	46.1	-3.0%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	13.0	13.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**7.46**	**8.54**	**-12.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,182	1,757	24.2%
Nợ ngắn hạn	**2,153**	**1,729**	**24.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	974	967	0.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	542	489	10.7%
Nợ dài hạn	28.6	28.3	0.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**398**	**384**	**3.6%**
Vốn chủ sở hữu	**398**	**384**	**3.6%**
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)